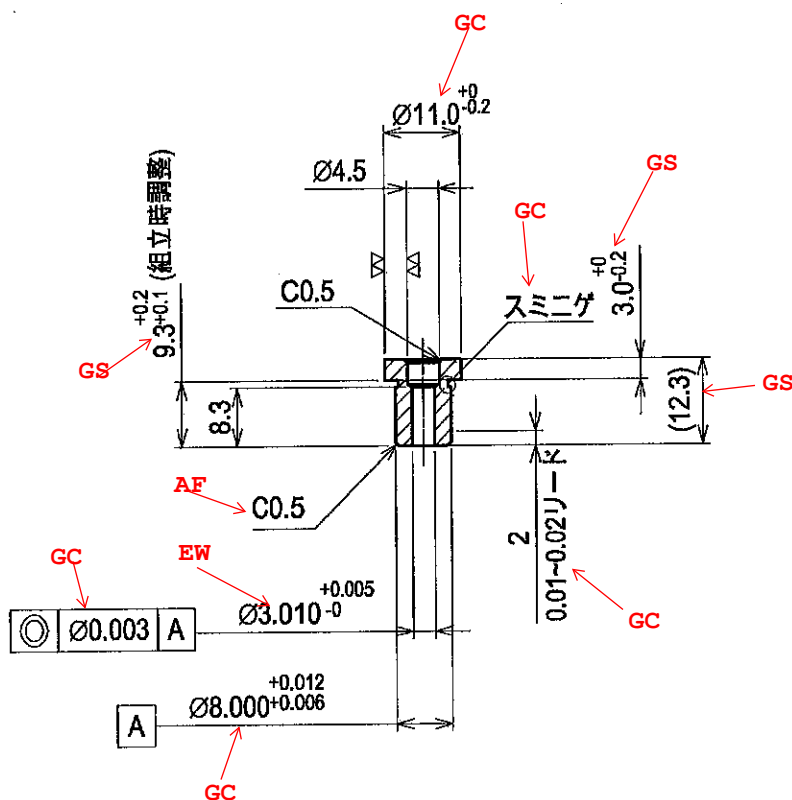


MM

12/28

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
a	2008/07/28	材質變更(壽命延長)為S212169-5769867(T-VNM-98-07-112)		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
△						0.000	±0.005	0.000 -0	-0.005
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0
△						0.0	±0.1	0.00 -0	-0.01
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0.01
								0.0 -0	-0
								0.0 -0	-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G ()									

no. 145 of 2 BTP



無指示稜線 C0.1(KC-002)

BTP S 769867 (Tn32p)

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図		パイロットブッシュ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		PILOT BUSH
HRC		部品図		定位導套
		部品図		定位导套
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2008/07/24	1:1		S769867

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **S769867**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S769867	EW:25 GC:35 GS:8 AF:3 KT